

Số: 258/2026/QĐST-DS

Hà Nội, ngày 22 tháng 6 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 13; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 6 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 461/2025/TLST- DS ngày 14 tháng 11 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn:

+ Công ty cổ phần M1 nay là Công ty cổ phần J;

Địa chỉ trụ sở: Tầng A, Tòa nhà C, số B phố T, phường Y, thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh T - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phan Huy M - Chức vụ: Giám đốc Trung tâm xử lý nợ.

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Phạm Văn A - Chuyên viên xử lý nợ;

+ Ngân hàng TMCP V (V1);

Địa chỉ: Số H L, phường Đ, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Như G - Chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ pháp lý tích hợp 2.

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Phạm Văn A - Chuyên viên xử lý nợ;

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn A, xã S, Thành phố H;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Hoàng Văn T2, sinh năm 1978;

+ Bà Tạ Thị T3, sinh năm 1987;

+ Cháu Hoàng Mai A1, sinh năm 2019;

Người đại diện hợp pháp của cháu Mai A1: Ông Hoàng Văn T2 và bà Tạ Thị T3 (là bố mẹ đẻ);

Cùng địa chỉ: TDP T, phường P, tỉnh Thái Nguyên.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Nguyễn Thị T1 có nghĩa vụ trả toàn bộ khoản nợ gốc và khoản tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng cho vay số: LN2410093973625 ký ngày 21/10/2024 và theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở & sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ LN2401191627841 ký ngày 22/01/2024 cho Công ty cổ phần J và Ngân hàng TMCP V (V1), cụ thể:

- Số tiền phải trả cho Công ty cổ phần J tạm tính đến ngày 09/06/2026 là: 839.590.282 đồng (trong đó, Nợ gốc: 662.107.073 đồng, N lãi và L chậm trả lãi: 177.483.209 đồng).

- Số tiền phải trả cho V1 tạm tính đến ngày 09/06/2026 là: 44.188.962 đồng (trong đó, Nợ gốc: 34.847.741 đồng, N lãi và L chậm trả lãi: 9.341.221 đồng).

2.2. Kể từ ngày 10/6/2026 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, bà Nguyễn Thị T1 tiếp tục phải thanh toán phần nợ lãi phát sinh theo quy định trong Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ đã ký kết.

(Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay).

2.3. Ông Hoàng Văn T2 và bà Tạ Thị T3 tự nguyện trả nợ thay cho bà Nguyễn Thị T1 toàn bộ khoản nợ trên.

2.4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật ông Hoàng Văn T2, bà Tạ Thị T3 phải thực hiện ngay nghĩa vụ thanh toán, nếu ông Hoàng Văn T2, bà Tạ Thị T3 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản vay nêu trên thì Công ty cổ phần J và Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của các khoản vay để thu hồi nợ cho Ngân hàng, cụ thể là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 242, tờ bản đồ số 69 tại xã M, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên, theo “Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DL 753312, Số vào sổ cấp GCN: VP 02076 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T cấp ngày 09/06/2023 cho ông Hoàng Văn T2 và bà Tạ Thị T3; Ngày 02/07/2024 tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T - Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố P xác nhận đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị T1.

2.5. Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp trên được dùng để thanh toán toàn bộ khoản nợ trong các hợp đồng tín dụng nêu trên (sau khi trừ các Chi phí hợp lý phát sinh trong quá trình xử lý tài sản), nếu thừa Ngân hàng sẽ trả lại cho ông Hoàng Văn T2 và bà Tạ Thị T3. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản đảm bảo không đủ nghĩa vụ trả nợ hoặc không truy thu được tài sản đảm bảo để phát mãi thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án tiến hành xác minh, kê biên các tài sản thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị T1 để phát mãi thu hồi nợ cho đến khi đủ số tiền nợ của bà T1.

Trong trường hợp ông Hoàng Văn T2, bà Tạ Thị T3 trả hết toàn bộ nợ theo quy định tại điểm 1 nêu trên, Ngân hàng sẽ làm thủ tục giải chấp tài sản trả lại “Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DL 753312, Sổ vào sổ cấp GCN: VP 02076 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T cấp ngày 09/06/2023 cho ông Hoàng Văn T2 và bà Tạ Thị T3; Ngày 02/07/2024 tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T - Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố P xác nhận đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị T1 cho ông Hoàng Văn T2, bà Tạ Thị T3 (Theo giấy uỷ quyền ngày 12/06/2026 tại Toà án).

2.6. Về án phí: Ông Hoàng Văn T2 và bà Tạ Thị T3 tự nguyện chịu 19.256.000 đồng (Mười chín triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần M1 (nay là Công ty cổ phần J) số tiền 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016435 ngày 14/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND khu vực 8 - Hà Nội;
- THADS thành phố Hà Nội;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Kim Thuý